

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HSST
Ngày 11 - 4 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mút

2. Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Tiêm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 05, 11 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2022/TLST-HS ngày 20/ 12/ 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/QĐST-HS đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Trần Tri P**, sinh năm 1972; Nơi sinh tại Cần Thơ. Nơi thường trú: số 26A/5 khu vực X, phường HT, quận CR, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang C, sinh năm 1947 (chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1948; Họ tên vợ: Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1970 (đã ly hôn); Anh em ruột có 06 người; Con có 02 người.

- Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long từ ngày 09/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Võ Phương V**, sinh năm 1983; Nơi sinh huyện PH, tỉnh HG. Nơi thường trú: ấp TT 2A, xã TL, huyện PD, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Tấn M, sinh năm 1955 và bà Võ Thị N, sinh năm 1957; Họ tên vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1989; Anh em ruột có 04 người; Con có 01 người.

- Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh

Long từ ngày 31/8/2022, có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Bùi Ghi TH** (tên gọi khác: Phương), sinh năm 1966; Nơi sinh tại BM, tỉnh Vĩnh Long. Nơi thường trú: khóm X, phường CV, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S, sinh năm 1923 và bà Lê Thị B, sinh năm 1919 (chết); Họ tên vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; Anh em ruột có 08 người; Con có 02 người.

- Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long từ ngày 09/8/2022, có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: **Lại Quang D**, sinh năm 1971; Nơi sinh tại BM, tỉnh Vĩnh Long. Nơi thường trú: khóm A, phường DT, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Văn Y, sinh năm 1934 (chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1947 (chết); Họ tên vợ: Lại Thị Thanh M, sinh năm 1974; Anh em ruột có 04 người; Con có 01 người.

- Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long từ ngày 09/8/2022, có mặt tại phiên tòa.

5/ Họ và tên: **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1970; Nơi sinh tại BT, tỉnh Vĩnh Long. Nơi thường trú: ấp A, xã MT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (chết) và bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1954; Họ tên chồng: Ngô Văn T, sinh năm 1969 (đã ly hôn); Anh em ruột có 04 người; Con có 03 người.

- Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lại Quang D:** Luật sư Nguyễn Anh Thy – Văn phòng luật sư Nguyễn Anh Thy – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- **Bị hại:**

1/ Anh **Phạm Văn V**, sinh năm 1983 – có mặt

2/ Chị **Huỳnh Thị Cẩm T**, sinh năm 1987 – có mặt

Cùng địa chỉ: số 210/9, khu vực BN, phường LH, quận BT, thành phố Cần Thơ.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1994 – có mặt

2/ Bà **Phạm Thị Kim TH**, sinh năm 1958 – có mặt

Cùng địa chỉ: tổ 4, khóm 4, phường TP, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Chị **Lê Thị Kim N**, sinh năm 1988 – có mặt

Địa chỉ: tổ 1, khóm 1, phường TP, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Anh **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1964 – có mặt

Địa chỉ: khóm 2, phường X, thành phố SD, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Anh **Nguyễn Quốc C**, sinh năm 1989 – vắng mặt

- Địa chỉ: tổ 1, khóm X, phường TP, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.
- 6/ Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1974 – vắng mặt
Địa chỉ: Ấp TP, xã TB, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.
- 7/ **Phùng Thoại G**, sinh năm 1989 – có mặt
- 8/ Bà **Đặng Thị Thanh V**, sinh năm 1960 – có mặt
Cùng địa chỉ: Số 557/12, TQD, phường AT, quận BT, thành phố Cần Thơ.
- 9/ **Lê Trần Thanh L**, sinh năm 1984 – vắng mặt
Địa chỉ: ấp LH, thị trấn RR, huyện A, tỉnh Hậu Giang.
- 10/ Bà **Thiệu Ngọc T**, sinh năm 1957 – có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: số 145, BHN, phường BT, quận BT, thành phố Cần Thơ.
- 11/ Anh **Thân Văn K**, sinh năm 1976 – có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: khóm 2, phường CV, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.
- 12/ Anh **Đoàn Thanh H**, sinh năm 1987 – có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Ấp HD, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.
- 13/ Chị **Bùi Thị Phương L**, sinh năm 1984 – vắng mặt
- 14/ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967 – có mặt
Cùng địa chỉ: Tổ 1, khóm 4, phường TP, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.
- 15/ Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1989 – có mặt
Địa chỉ: Ấp 2A, xã TL, huyện PD, thành phố Cần Thơ.
- 16/ Anh **Trần Văn Bé N**, sinh năm 1977 – có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Số 12, đường 16, khu NCDT, phường AK, quận NK, thành phố Cần Thơ.
- 17/ Chị **Lại Thị Thanh M**, sinh năm 1974 - có mặt
Địa chỉ: tổ 57, khóm A, phường DT, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02 năm 2019 Phạm Thị Kim T và con là anh Nguyễn Ngọc TH, cùng cư trú tại phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long có vay của ông Nguyễn Văn X, nơi cư trú tại phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp số tiền 50.000.000đồng và có thể chấp lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², đất tại khóm X, phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, đất cấp cho hộ bà Phạm Thị Kim T, hai bên có ra phòng công chứng số 2 tại thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khoảng 3 tháng sau bà T và anh TH có nhu cầu vay thêm tiền nhưng do ông X không cho vay thêm nên con ông X là Nguyễn Quốc C có giới thiệu bà Ngô Thị N cho bà T và TH vay tiền.

Đến ngày 04 tháng 7 năm 2019, bà T và anh TH đến nhà của anh C gặp bà Ngô Thị N để thỏa thuận vay 100.000.000đồng với lãi suất 4%/tháng, chưa nói rõ thời gian vay bao lâu. Sau khi thỏa thuận xong, bà N đưa trước cho bà T, anh TH 60.000.000đồng. Bà T và anh TH lấy 50.000.000đồng trả cho ông X, rồi cùng ông X ra Phòng công chứng số 2 để hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đó và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà T, anh TH đưa

cho bà N 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², đất tại khóm X, phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long để thế chấp vay tiền. Sau khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà N kêu bà T, anh TH đến Phòng công chứng số 2 tại thị xã Bình Minh gặp Trần Tri P và Võ Phương V (02 người này đều là bạn quen biết với bà N) để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ của bà T sang cho Trần Tri P, sau đó bà N kêu Bùi Ghi T đến Phòng công chứng để hỗ trợ làm thủ tục. Khi Công chứng viên làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thì phát hiện chưa đủ thủ tục theo quy định như: Giấy chứng nhận độc thân của bà T, giấy khai tử của chồng bà T (vì đất cấp cho hộ bà T) nên Công chứng viên không làm thủ tục được. Do chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho P nên Bùi Ghi T mang hồ sơ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về đưa lại cho bà N. Do lúc này bà T bị bệnh đang điều trị tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ.

Trong thời gian này, bà N cùng với Võ Phương V và Trần Tri P bàn tính khi nào bà T, anh TH làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho P xong thì P sẽ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này tìm người cho vay khác (có nhận thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất) để có được nhiều tiền hơn. Do bà T bị bệnh không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất được, nên bà N nhờ Bùi Ghi T tìm người đóng giả vai bà T và anh TH để ký hợp đồng ủy quyền phân đất cho Võ Phương V, thì Bùi Ghi T đồng ý. Sau đó, T tìm gặp Lại Quang D, Huỳnh Thị P để thuê D đóng giả vai anh TH, còn P đóng giả vai bà T để ký hợp đồng ủy quyền thửa đất cấp cho hộ bà Phạm Thị Kim T tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m². Thì D, P đồng ý và cung cấp giấy chứng minh nhân dân, hình ảnh của D, P cho T để làm thủ tục. T lấy giấy chứng minh nhân dân (bản photocopy) của anh TH, bà T rồi dán hình của D, P vào và đem photocopy ra thành 02 bản (*01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc TH nhưng ảnh của D; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Thị Kim T nhưng ảnh của P*). Đến ngày 03/10/2019, bà N gọi điện thoại cho T kêu P, D và V đến Phòng Công chứng Thiệu Ngọc Tuyết tại phường PT, quận OM, thành phố Cần Thơ để làm hợp đồng ủy quyền thửa đất của hộ bà T. Sau đó V gọi điện nói cho P biết và kêu P đến Phòng Công chứng. Khi T, P đi cùng với D và Nguyễn Thị Kim C (là bạn của D, đi cùng với D) trước khi vào phòng công chứng, có vào quán nước kế bên Phòng Công chứng Thiệu Ngọc T thì bà N đưa cho T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m² cấp cho hộ bà Phạm Thị Kim T và bản bản photo sổ hộ khẩu gia đình bà T, bà N kêu T lấy giấy chứng minh nhân dân bản photo của anh TH, bà T nhưng ảnh của D, P và lấy giấy chứng minh nhân dân của V đem vào Phòng Công chứng nộp cho công chứng viên để soạn hợp đồng ủy quyền với nội dung: Bên ủy quyền là bà Phạm Thị Kim T, Nguyễn Ngọc T; bên nhận ủy quyền là Võ Phương V; nội dung công việc ủy quyền là bên nhận ủy quyền được toàn quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, lập và ký tên thực hiện các

giao dịch chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp...đối với tài sản thuộc quyền sử dụng của bà T và anh TH tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 56 diện tích 442,2m², đất tại phường TP, thị xã Bình Minh. Sau khi công chứng viên soạn hợp đồng ủy quyền xong thì đưa cho bên ủy quyền, bên nhận ủy quyền đọc các điều khoản ghi trong hợp đồng thì V, P và D giả vờ cầm lấy đọc rồi nộp lại cho công chứng viên. Công chứng viên kêu tên người ủy quyền là Phạm Thị Kim T, Nguyễn Ngọc TH và người được ủy quyền là Võ Phương V đến ký tên thì Huỳnh Thị P giả làm Phạm Thị Kim T, Lại Quang D giả làm Nguyễn Ngọc TH lên ký tên và lảng tay vào trong hợp đồng ủy quyền. Sau khi ký tên xong, Công chứng viên yêu cầu bên ủy quyền cung cấp bản chính giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Thị Kim T và Nguyễn Ngọc TH để đối chiếu trước khi công chứng, thì T nói với Công chứng viên là giấy chứng minh nhân dân bị mất nên Công chứng viên không phát hành hợp đồng ủy quyền mà yêu cầu bên ủy quyền phải làm đơn có mất giấy chứng minh nhân dân, có dán hình, ảnh có xác nhận của Công an địa phương và có đóng dấu giáp lai. Sau đó, T chở Phụng về thị xã Bình Minh rồi T viết 02 đơn có mất: 01 đơn có mất tên Phạm Thị Kim T nhưng dán hình của P ghi thông tin bị mất 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 đơn có mất tên Nguyễn Ngọc TH nhưng dán hình Lại Quang D ghi thông tin bị mất 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe. Sau khi viết xong, Thành kêu D, P ký tên vào đơn có mất (D ký tên TH, P ký tên T), T nhờ người lạ mặt (không rõ họ, tên và địa chỉ) ký tên vào người chứng kiến trong đơn cơ mất. Sau đó, T và P đến Công an phường TP, thị xã Bình Minh nộp 02 đơn có mất cho Công an phường ký xác nhận và đóng dấu vào hình ảnh trong đơn có mất. Khi đến Công an phường TP nộp đơn thì anh Đoàn Thanh H là cán bộ tiếp nhận, ghi xác nhận thông tin và trình anh Thân Văn K là Trưởng Công an phường ký xác nhận. Sau khi có được 02 tờ đơn có mất được xác nhận, thì T đem 02 đơn có nộp cho Phòng Công chứng Thiệu Ngọc t, sau đó Phòng công chứng Thiệu Ngọc t tiến hành công chứng, phát hành hợp đồng ủy quyền và giao hợp đồng ủy quyền cho T. Sau đó, T đem hợp đồng ủy quyền vừa có được đưa lại cho bà Ngô Thị N, bà N đưa cho T số tiền 3.700.000đồng để trả tiền đã thuê D, P, mỗi người 1.000.000đồng, còn T thì được 1.700.000đồng. Số tiền này, T, D và P đã tiêu xài hết.

Đến ngày 05/10/2019, bà N kêu V và P đến Phòng công chứng số 2 tại thị xã Bình Minh, rồi kêu T đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², cùng hợp đồng ủy quyền (do bà N nhờ T thuê D, P giả danh TH và T ký ủy quyền cho V trước đó) đến Phòng công chứng số 2 tại thị xã Bình Minh để nộp hồ sơ và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất (do V làm đại diện theo ủy quyền) sang cho P và yêu cầu công chứng. Khi P có được hợp đồng chuyển nhượng, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì P cùng với V đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Bình Minh để nộp hồ sơ sang tên từ bà T qua cho P (chuyển mất 4 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trong

thời gian chờ nhận kết quả chuyển mặt 4 sang tên cho P thì P làm hợp đồng ủy quyền cho Phùng Thoại G là người quen biết trước với P, đến Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Bình Minh làm thủ tục và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho P. Khi P có được giấy chứng nhận quyền sử dụng thì P nhờ G tìm người cho vay tiền có nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà P mới vừa được đứng tên, để P vay tiền và P có chỉ thửa đất cho G xem rồi photo cho G 01 bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, thửa đất mà P chỉ cho G xem không đúng vị trí thực tế của thửa đất như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất mà P chỉ cho G là đất trống nằm trong hẻm 398 thuộc khóm 4, phường Thành Phước, thị xã Bình Minh nhưng G không biết. Việc P nhờ G tìm người cho vay tiền có nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì P có nói lại cho bà N và V biết. Sau khi G biết được vợ chồng anh Phạm Văn V và chị Huỳnh Thị Cẩm T địa chỉ tại phường LH, quận BT, thành phố Cần Thơ có cho vay thế chấp (*G được anh Lê Trần Thanh L, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp Láng Hầm, thị trấn Rạch Gòi, huyện A, tỉnh Hậu Giang là người giới thiệu cho G*) nên G đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh V, chị T xem thì anh V, chị T đồng ý cho vay. Sau đó G dẫn V, L đi xem thửa đất mà P đã chỉ cho G xem trước đó. Sau khi V đi xem đất thì đồng ý cho P vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 23/10/2019, P gặp anh V, chị T để làm hợp đồng vay thế chấp, hợp đồng viết tay với nội dung: anh V, chị T cho P vay 500.000.000đồng, P thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m² cho V và T, lãi suất vay 4%/tháng, đến tháng thứ 7 thì 5%/tháng, tiền lãi thanh toán vào ngày 23 hàng tháng. Khi lập hợp đồng viết tay xong thì P, V đến Văn phòng công chứng Phan Ngọc Kiều tại thị xã Bình Minh để lập hợp đồng chuyển nhượng, công chứng với nội dung: Trần Tri P chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m² đất tại phường TP, thị xã Bình Minh cho anh V, chị T. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Phan Ngọc Kiều công chứng và phát hành hợp đồng. Lúc này, tại Phòng Công chứng cùng có mặt anh Phùng Thoại G và Đặng Thị Thanh V (mẹ G) và anh Lê Trần Thanh L. Sau khi ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng xong thì vợ chồng anh V, chị T đưa cho P số tiền 430.000.000đồng (*P vay 500.000.000đồng nhưng do trừ tiền huê hồng và tiền làm giấy tờ là 50.000.000đồng và lấy trước 1 tháng tiền lãi là 20.000.000đồng nên P chỉ nhận được 430.000.000đồng*). Khi P có được 430.000.000đồng thì trả nợ cho bà Đặng Thị Thanh V 50.000.000đồng, trả cho V 20.000.000đồng và chia cho V 60.000.000đồng; P đưa cho bà N 143.500.000đồng (*gồm tiền chia cho bà N, tiền bà N đã đưa cho bà T, anh TH vay trước đó, tiền làm thủ tục giấy tờ công chứng, chuyển nhượng*); Còn lại số tiền 156.500.000đồng thì P giữ lại và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bà T điều trị bệnh về thì con bà là Lê Thị Kim N biết sự việc bà T vay tiền thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị N nên Nghĩa tìm anh Nguyễn Quốc C hỏi xin số điện thoại của bà N để liên lạc chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi N gọi điện thoại cho bà N nhiều lần thì bà N nói “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Phũ đang giữ” và hẹn với N nhiều lần nhưng không cho chuộc lại, N gọi điện thoại liên lạc với Võ Phương V thì V cũng hứa hẹn để kêu Trần Tri P đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng V không liên lạc được với P. Sau nhiều lần gia đình bà T, anh TH liên hệ với bà N để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được nên anh TH đến Công an thị xã Bình Minh trình báo sự việc.

Anh V, chị T sau khi cho P vay tiền đến tháng thứ hai (*tức là tháng 12 năm 2019*) nhưng không thấy P đóng lãi nên gọi điện thoại cho P thì không liên lạc được. Qua tìm hiểu thì anh, chị biết được đã bị P lừa đảo và biết được thửa đất số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m² đất tại phường Thành Phước, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long mà P đã thế chấp không phải đất của Trần Tri P mà của người khác.

Quá trình điều tra các bị cáo: Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D và Huỳnh Thị P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Nhận thấy, hành vi của Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D, Huỳnh Thị P và Ngô Thị N có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 17/7/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã Bình Minh đã ra Quyết định khởi tố vụ án. Đến ngày 04/02/2021, ngày 28/7/2022 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D, Huỳnh Thị P và Ngô Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” để điều tra xử lý. Trong quá trình điều tra vụ án thì bà Ngô Thị N đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với bà Ngô Thị N, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Bản cáo trạng số: 08/CT-VKSBM ngày 19/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh đã truy tố các bị cáo: Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D, Huỳnh Thị P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, đánh giá tính chất mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đề nghị tuyên bố các bị cáo: Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D, Huỳnh Thị P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D và Huỳnh Thị P. Riêng các bị cáo P, V, T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Bị cáo D, P áp dụng khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt các bị cáo:

Trần Tri P từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Võ Phương V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Bùi Ghi T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Lại Quang D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Huỳnh Thị P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D và Huỳnh Thị P liên đới bồi thường cho anh Phạm Văn V và chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 295.000.000đồng. Được khấu trừ vào số tiền 2.000.000đồng bị cáo P giao nộp và số tiền 1.700.000đồng chị L giao nộp và số tiền 5.000.000đồng chị M giao nộp khắc phục hậu quả tại phiên tòa.

- Đối với anh Trần Văn Bé N, chị Nguyễn Thị V và chị Bùi Thị P Linh đã giao nộp để khắc phục hậu quả, không yêu cầu trả lại nên không xem xét.

- Đối với số tiền 5.000.000đồng mà chị M đã giao nộp để khắc phục hậu quả thì chị M không yêu cầu D trả lại nên không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại: 01 giấy phép lái xe và 02 cái điện thoại di động hiệu Nokia cho anh Trần Văn Bé N (em ruột P) nhận lại xong. 01 cái điện thoại di động hiệu Samsung J7 đã trả lại cho bà Nguyễn Thị H (vợ bị can T) nhận lại xong.

- Đối với Văn Phòng Công chứng Thiệu Ngọc t, Công chứng viên khi công chứng hợp đồng ủy quyền là bà Thiệu Ngọc t có dấu hiệu vi phạm trong quá trình công chứng, có dấu hiệu đồng phạm của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên, do bà Ngô Thị N là người giữ vai trò chính đã bỏ trốn nên khi nào bắt được bà n điều tra làm rõ sẽ xem xét xử lý hành vi của bà T sau.

- Đối với hành vi xác nhận đơn cơ mất giấy chứng minh nhân dân, đóng dấu giáp lai vào hình ảnh trong đơn cơ mất của cán bộ, lãnh đạo Công an phường TP thì việc xác nhận đó không có vụ lợi, mục đích xác nhận để cho người dân làm lại giấy chứng minh nhân dân, không có ý thức tạo điều kiện hay giúp sức cho các bị can thực hiện hành vi phạm tội. Công an thị xã Bình Minh đang xem xét xử lý trách nhiệm của các cán bộ theo quy định của ngành Công an.

- Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², địa chỉ: khóm X, phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long do hộ bà Phạm Thị Kim T đứng tên chủ sở hữu. Nhưng ngày 15/01/2020, bị cáo Trần Tri P chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Phạm Văn V và chị Huỳnh

Thị Cẩm T nên đề nghị xem xét vô hiệu đối với những hợp đồng đã vi phạm pháp luật.

- Đối với bà Đặng Thị Thanh V, Phùng Thoại G, Lê Trần Anh L, Nguyễn Thị Kim C không biết việc Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không tham gia thực hiện, giúp sức việc lừa đảo nên không xem xét xử lý.

- Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D, Huỳnh Thị P mỗi bị cáo nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo còn phải chịu tiền án phí dân sự không có giá ngạch.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lại Quang D trình bày: Thống nhất với nội dung cáo trạng và lời trình bày luận tội của Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Lại Quang D mức án thấp nhất, do bị cáo và vợ bị cáo bệnh động kinh, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đã khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất như đề xuất của Kiểm sát viên đề nghị, về các vấn đề khác không có ý kiến.

- Lời nói sau cùng các bị cáo:

Bị cáo Trần Tri P, Võ Phương V xin lỗi gia đình bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Bùi Ghi T, Lại Quang D và Huỳnh Thị P xin lỗi gia đình bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Quốc C, Nguyễn Thị Kim C, Lê Trần Thanh L, Thiệu Ngọc T, Thân Văn K, Đoàn Thanh H, Trần Văn Bé N, đã được tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, những người này đã có lời khai, không có yêu cầu gì trong vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Tại phiên Tòa;

[2.1] Bị hại anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T trình bày: Anh, chị yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 430.000.000đồng. Anh V, chị T đã nhận số tiền 135.000.000đồng. Còn lại số tiền 295.000.000đồng yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày ký hợp đồng 23/10/2019 cho đến ngày xét xử theo lãi suất Ngân hàng.

[2.2] Anh Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Kim T trình bày: Yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Thi, để bà được đứng tên lại giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích

442,2m², loại đất ở, đất tại phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

[2.3] Chị Bùi Thị Phương L là con của bị cáo Bùi Ghi T và anh V, chị T thỏa thuận nhận tại phiên tòa số tiền 5.000.000đồng khắc phục hậu quả cho bị cáo Bùi Ghi T, nên được ghi nhận. Số tiền này và số tiền đã nộp tại Cơ quan điều tra chị Linh không yêu cầu bị cáo T trả lại.

[2.4] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản sự việc, kết luận điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Các bị cáo: Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D và Huỳnh Thị P trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 đã dùng thủ đoạn gian dối như: Giả người ký hợp đồng ủy quyền, làm khống các loại giấy tờ, ký hợp đồng ủy quyền, chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi không có sự đồng ý của chủ sở hữu, thừa đất không thuộc quyền sở hữu nhưng chiếm đoạt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác, sau khi chiếm đoạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chỉ sai vị trí thửa đất, đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi vay thế chấp chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Hành vi của các bị cáo Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D và Huỳnh Thị P đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét thấy; Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của mọi người được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng do lối sống buông thả, coi thường pháp luật, lười lao động, thích hưởng thụ, để có tiền thỏa mãn nhu cầu bản thân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối bằng cách: Giả làm người ký hợp đồng ủy quyền phần đất không phải của mình, làm khống giấy chứng minh nhân dân, ký hợp đồng ủy quyền, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật, chỉ sai vị trí thửa đất, đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác.

Nhận thấy, vụ án có nhiều bị cáo tham gia nên cần phân tích vai trò của từng bị cáo, để từ đó xem xét quyết định hình phạt.

[3.1] Bị cáo Trần Tri P: Do làm kinh tế bị thua lỗ, để có tiền trả nợ và tiêu xài, bị cáo đã bàn bạc với Võ Phương V, Ngô Thị N lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người vay thế chấp, đi vay người khác lấy số tiền nhiều hơn. Bị cáo cùng các bị cáo khác dùng thủ đoạn gian dối để được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi đi vay thế chấp để chiếm đoạt tiền của người khác. Bị cáo được hưởng lợi 226.500.000đồng dẫn đến phạm tội, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

[3.2] Bị cáo Võ Phương V: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu xài, trả nợ, bị cáo bàn bạc với Trần Tri P, Ngô Thị N lấy giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của người cần vay thế chấp để đi vay thế chấp người khác để được số tiền nhiều hơn. Bị cáo cùng với các bị cáo khác dùng thủ đoạn gian dối: Làm hợp đồng ủy quyền, chuyển nhượng,..... để chiếm đoạt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi chuyển tên qua cho Phủ. Sau đó Phủ sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi vay chiếm đoạt số tiền của người khác, bị cáo được hưởng lợi 60.000.000đồng, được Phủ trả nợ 20.000.000đồng dẫn đến phạm tội, bị cáo là người giúp sức tích cực.

[3.3] Bị cáo Bùi Ghi T: Bản thân bị cáo là người thường xuyên giúp bà Ngô Thị N trong việc làm ăn, kinh doanh, mua bán. Sau khi bà N cho người khác vay tiền, nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để chiếm đoạt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà N kêu bị cáo tìm cách làm thủ tục để chiếm đoạt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo không những không từ chối mà tích cực tham gia như: Thuê người ký hợp đồng ủy quyền, làm không giấy chứng minh nhân dân, đơn có mất để phục vụ cho việc lập hợp đồng ủy quyền, rồi yêu cầu công chứng. Hỗ trợ bà N và P trong việc làm hồ sơ chuyển tên cho Trần Tri P. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo khác thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo được hưởng lợi 1.700.000đồng, bị cáo là người giúp sức tích cực nhưng số tiền hưởng lợi ít hơn bị cáo P, V.

[3.4] Bị cáo Lại Quang D: Bản thân bị cáo là người quen biết với bị cáo T, khi được T nhờ đi làm giả người khác để ký giấy ủy quyền, ký đơn có mất. Bị cáo biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, gây thiệt hại và xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác nhưng vì muốn có tiền mà bị cáo đã thực hiện. Hành vi của bị cáo đã tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo khác thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền lớn. Bị cáo được hưởng lợi 1.000.000đồng; Vụ án này bị cáo là người giúp sức nhưng vai trò thấp hơn bị cáo V, T.

[3.5] Bị cáo Huỳnh Thị P: Bản thân bị cáo là người quen biết với bị cáo Bùi Ghi T, khi được T nhờ đi giả làm người khác để ký giấy ủy quyền, ký đơn có mất, đi xác nhận đơn có mất. Biết là vi phạm pháp luật, gây thiệt hại và xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác nhưng vì háo lợi mà bị cáo bất chấp pháp luật, thực hiện việc phạm tội. Hành vi của bị cáo đã tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo khác thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền lớn. Bị cáo được hưởng lợi 1.000.000đồng; Vụ án này bị cáo là người giúp sức, có vai trò ngang với bị cáo D.

Trong vụ án có đồng phạm, tuy nhiên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công, bàn bạc trước chỉ là mang tính đồng phạm giản đơn.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo Trần Tri P: Tình tiết tăng nặng: không. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; Đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra bị cáo còn được tặng nhiều giấy khen trong công tác phổ cập giáo dục. Các tình tiết này được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4.2] Bị cáo Võ Phương V: Tình tiết tăng nặng: không. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; Đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ

hình phạt. Ngoài ra bị cáo V được tặng giấy khen trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, phòng chống tội phạm. Các tình tiết này được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.3] Bị cáo Bùi Ghi T: Tình tiết tăng nặng: không. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; Đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; Ngoài ra bị cáo T có mẹ ruột là Mẹ Việt Nam Anh hùng. Các tình tiết này được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.4] Bị cáo Lại Quang D: Tình tiết tăng nặng: không. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; Đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; Ngoài ra bị cáo D được tặng giấy khen trong phong trào thi đua “Dân vận khéo”; Bị cáo, vợ bị cáo có tiền sử mắc nhiều loại bệnh. Các tình tiết này được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.5] Bị cáo Huỳnh Thị P: Tình tiết tăng nặng: không. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; Đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; Các tình tiết này được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên xử phạt các bị cáo mức án như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đảm bảo răn đe, ngăn chặn và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, góp phần phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại 01 giấy phép lái xe và 02 điện thoại di động hiệu Nokia cho anh Trần Văn Bé N. 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 đã trả lại cho bà Nguyễn Thị H.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 430.000.000đồng. Anh V, chị T đã nhận tổng số tiền qua các lần là 135.000.000đồng. Còn lại số tiền 295.000.000đồng yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

- Buộc các bị cáo: Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D và Huỳnh Thị P liên đới bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 295.000.000đồng.

Cụ thể; Bị cáo P + V + T bồi thường số tiền 200.000.000đồng (trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 66.666.700đồng).

Bị cáo D + P số tiền 95.000.000đồng (trong đó, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 47.500.000đồng).

1/Bị cáo Trần Tri P bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T bồi thường số tiền 66.666.700đồng.

2/Bị cáo Võ Phương V bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 66.666.700đồng.

3/Bị cáo Bùi Ghi T bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 66.666.700đồng. Được trừ vào số tiền nộp khắc phục 1.700.000đồng theo phiếu thu số 0005806, ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Tiếp tục bồi thường 64.966.700đồng.

4/Bị cáo Lại Quang D bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 47.500.000đồng. Được trừ vào số tiền nộp khắc phụ 5.000.000đồng theo phiếu thu số 0005813, ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Tiếp tục bồi thường 42.500.000đồng.

5/Bị cáo Huỳnh Thị P bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 47.500.000đồng. Được trừ vào số tiền nộp khắc phụ 2.000.000đồng theo 02 phiếu thu số 0005813, ngày 21/3/2023 và 0005806, ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Tiếp tục bồi thường 45.500.000đồng cho bị hại.

Xét yêu cầu tính lãi suất của anh V, chị T đối với số tiền 295.000.000đồng từ ngày 23/10/2019 cho đến ngày 11/4/2023 là không có căn cứ xem xét.

Các vấn đề khác có liên quan:

- Anh Trần Văn Bé N là em ruột bị cáo Phủ đã nộp bồi thường thay số tiền 70.000.000đồng cho bị hại, anh N không yêu cầu phải trả lại nên không xem xét.

- Chị Lại Thị Thanh M là vợ bị cáo D đã nộp bồi thường thay số tiền 5.000.000đồng (nộp giai đoạn chuẩn bị xét xử) cho bị hại, chị M không yêu cầu phải trả lại nên không xem xét.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng mà D hưởng lợi được từ việc đóng giả vai anh TH để ký hợp đồng ủy quyền cho V và số tiền 1.700.000 đồng mà T hưởng lợi được từ việc được bà N thuê tìm người đóng giả bà T, anh TH và làm thủ tục giấy tờ cho N thì con ruột của T là Bùi Thị Phương L đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Chị L không yêu cầu bị cáo T và D trả lại số tiền này. Số tiền 5.000.000 đồng chị L bồi thường cho bị hại V, T tại phiên Tòa, chị L không yêu cầu bị cáo T trả lại.

- Chị Nguyễn Thị V là vợ của bị cáo V đã nộp bồi thường thay số tiền 60.000.000đồng cho bị hại, chị V không yêu cầu trả lại nên không xem xét.

- Đối với Văn Phòng Công chứng Thiệu Ngọc T, Công chứng viên khi công chứng hợp đồng ủy quyền là bà Thiệu Ngọc T có dấu hiệu vi phạm trong quá trình công chứng, có dấu hiệu đồng phạm của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên, do bà Ngô Thị N là người giữ vai trò chính đã bỏ trốn nên khi nào bắt được bà Năng điều tra làm rõ sẽ xem xét xử lý hành sau.

- Đối với bà Đặng Thị Thanh V, Phùng Thoại G, Lê Trần Anh L, Nguyễn Thị Kim C không biết các bị cáo: Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T là đồng

phạm thực hiện các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không tham gia thực hiện, giúp sức việc lừa đảo nên không xem xét xử lý.

- Vô hiệu các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng ủy quyền, công chứng ngày 03/10/2019 Văn phòng công chứng Thiệu Ngọc T, tại thành phố Cần Thơ; đối với phần đất thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², loại đất ở, đất tại phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lập ngày 05/10/2019 của Văn phòng công chứng số 2 tại thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; đối với phần đất thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², loại đất ở, đất tại phường TT, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lập ngày 23/10/2019 của Văn phòng công chứng Phan Ngọc K tại thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; đối với phần đất thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², loại đất ở, đất tại phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Nguyễn Ngọc TH, bà Phạm Thị Kim T có quyền đến Cơ quan chuyên môn để hoàn tất các thủ tục đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², loại đất ở, đất tại phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, theo quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Ghi nhận việc cơ quan điều tra đã xử lý trả lại các tài sản: 01 giấy phép lái xe và 02 cái điện thoại di động hiệu Nokia; 01 cái điện thoại di động hiệu Samsung J7.

- Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính), thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², loại đất ở, cây lâu năm. Đất tại khóm 4, phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Có số CT870546, cấp ngày 15/01/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long, cấp cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T mà Cơ quan điều tra đã thu giữ là vật chứng, tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D, Huỳnh Thị P mỗi bị cáo nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra, các bị cáo phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch như sau:

+ Bị cáo P nộp án phí dân sự là: 3.333.000đồng.

+ Bị cáo V nộp án phí dân sự là: 3.333.000đồng.

+ Bị cáo T nộp án phí dân sự là: 3.248.000đồng.

+ Bị cáo D nộp án phí dân sự là: 2.125.000đồng.

+ Bị cáo P nộp án phí dân sự là: 2.275.000đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lại Quang D là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo: Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D, Huỳnh Thị P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Các Điều 17; 38; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt bị cáo Trần Tri P 03 năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 09/6/2022.

+ Xử phạt bị cáo Võ Phương V 02 (hai) năm, 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 31/8/2022.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Ghi T 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 09/8/2022.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Các Điều 17; 38; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt bị cáo Lại Quang D 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 09/8/2022.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị P 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc các bị cáo: Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D và Huỳnh Thị P liên đới bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 295.000.000đồng. Cụ thể:

1/Buộc bị cáo Trần Tri P bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 66.666.700đồng.

2/Buộc bị cáo Võ Phương V bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 66.666.700đồng.

3/Buộc bị cáo Bùi Ghi T bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 66.666.700đồng. Được trừ vào số tiền nộp khắc phục

1.700.000đồng theo phiếu thu số 0005806, ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Tiếp tục bồi thường 64.966.700đồng.

4/Buộc bị cáo Lại Quang D bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 47.500.000đồng. Được trừ vào số tiền nộp khắc phục 5.000.000đồng theo phiếu thu số 0005813, ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Tiếp tục bồi thường 42.500.000đồng.

5/Buộc bị cáo Huỳnh Thị P bồi thường cho anh Phạm Văn V, chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền 47.500.000đồng. Được trừ vào số tiền nộp khắc phục 2.000.000đồng theo 02 phiếu thu số 0005813, ngày 21/3/2023 và 0005806, ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Tiếp tục bồi thường 45.500.000đồng cho bị hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính), thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², loại đất ở, cây lâu năm. Đất tại khóm 4, phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Có số CT870546, cấp ngày 15/01/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận mang tên Phạm Văn V, Huỳnh Thị Cẩm T. *(Lưu giữ tại hồ sơ vụ án).*

4/ Các vấn đề khác:

- Vô hiệu các hợp đồng sau: Hợp đồng ủy quyền, công chứng ngày 03/10/2019 Văn phòng công chứng Thiệu Ngọc Tuyết, tại thành phố Cần Thơ; đối với phần đất thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², loại đất ở, đất tại phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lập ngày 05/10/2019 của Văn phòng công chứng số 2 tại thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; đối với phần đất thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², loại đất ở, đất tại phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lập ngày 23/10/2019 của Văn phòng công chứng Phan Ngọc K tại thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; đối với phần đất thửa số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², loại đất ở, đất tại phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Nguyễn Ngọc TH, bà Phạm Thị Kim T có quyền đến Cơ quan chuyên môn để hoàn tất các thủ tục đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 153, tờ bản đồ số 56, diện tích 442,2m², loại đất ở, đất tại phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, theo quy định pháp luật.

- Xem xét xử lý trách nhiệm của Văn Phòng Công chứng Thiệu Ngọc T, Công chứng viên khi công chứng hợp đồng ủy quyền là bà Thiệu Ngọc T có dấu hiệu vi phạm trong quá trình công chứng, có dấu hiệu đồng phạm của tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản”. Bà Ngô Thị N là người giữ vai trò chính đã bỏ trốn nên khi nào bắt được bà N điều tra làm rõ sẽ xem xét xử lý hành sau.

- Đối với bà Đặng Thị Thanh V, Phùng Thoại G, Lê Trần Anh L, Nguyễn Thị Kim C không biết các bị cáo: Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T là đồng phạm thực hiện các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không tham gia thực hiện, giúp sức việc lừa đảo nên không xem xét xử lý.

5/Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Tri P, Võ Phương V, Bùi Ghi T, Lại Quang D, Huỳnh Thị P mỗi bị cáo nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, các bị cáo còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

- + Bị cáo P nộp án phí dân sự là: 3.333.000đồng.
- + Bị cáo V nộp án phí dân sự là: 3.333.000đồng.
- + Bị cáo T nộp án phí dân sự là: 3.248.000đồng.
- + Bị cáo D nộp án phí dân sự là: 2.125.000đồng.
- + Bị cáo P nộp án phí dân sự là: 2.275.000đồng.

6/Quyền kháng cáo:

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (*mười lăm*) ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TX Bình Minh;
- CQĐT Công an TX Bình Minh;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Trương Minh Thiết

